

MA TRẬN CỦA BÀI KỆ HÀNG MA



Văn Thù bồ tát Hàng ma bảo kệ ở vách sau chùa Đại Tiên, Đái Nam.

Chánh văn:

石火電光能幾何
可憐恩愛受奔波
皮乾尚戀資財廣
黃瘦猶貪酒色多
夕死朝生那肯息
心魂追去見閻羅
絲毫罪業從頭數
文簿分明定不嗟
差送鐵床銅柱獄
言聲哀告苦吟哦
我今悔恨修行晚
免使輪迴變馬騾
累世業冤因自昧
未能成佛豈由他
人人有個真如性
生死誰能肯煉磨

Dịch âm:

Thạch hỏa điện quang năng kỷ hà
Khả lân ân ái thọ bôn ba
Bì can thượng luyến tư tài quảng
Hoàng sấu du tham tửu sắc đa.
Tịch tử triêu sanh na khảng tức
Tâm hồn truy khứ kiến Diêm la
Ti hào tội nghiệp tùng đầu số¹
Văn bộ phân minh định bất ta.
Sai tống thiết sàng đồng trụ ngục
Ngôn thanh ai cáo khổ ngâm nga

Ngã kim hối hận tu hành vẫn
Miễn sử luân hồi biến mã loa ².
Lụy thể nghiệp oan nhân tự muội
Vị năng thành Phật khởi do tha
Nhân nhân hữu cá chân như tánh
Sanh tử thù năng khăng luyến ma.

Dịch nghĩa:

Đá lửa chộp loè có đâu là
Thương nhau ân ái mới bôn ba
Da khô còn tiếc ưa tài vật
Gầy méc vẫn tham tửu sắc đa.
Chiều chết sớm sanh nào đã dứt
Tâm hồn theo đuổi gặp Diêm la
Mây may tội phước theo đó tính
Số bộ rạch rời định chẳng tha.
Tống vào giường sắt trụ đồng ngục
Lời nào ai oán khổ ngâm nga
Con nay hối hận tu hành muội
Thoát chết rồi làm voi ngựa la.
Nghiệp duyên đời trước bao mê muội
Chưa thể thành Phật bởi ai mà
Người người đều có chân như tánh
Thoát vòng sanh tử phải luyến mài.

Vào thời Trần (1225 – 1413), lễ nhạc Phật giáo phát triển cực thịnh, và đại trai đàn Thủy Lục thể hiện tinh hoa của lễ nhạc ấy. Thủy lục đại trai công văn là tài liệu được cho là của thời Trần, và như vậy Thủy lục chư khoa hẳn cũng xuất hiện vào thời Trần. Thủy lục chư khoa gồm cả thầy 6 quyển. Quyển 1 gồm Nghênh sư duyệt định

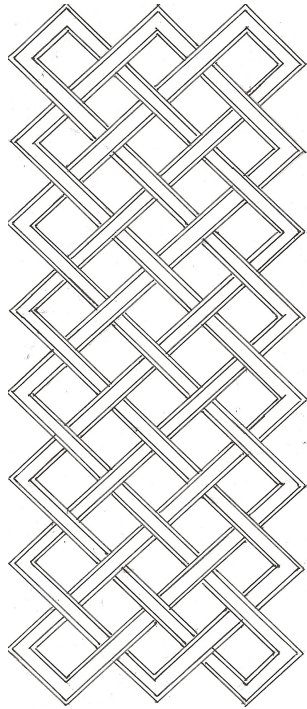
khoa, Dự niếp linh khoa, Tỉnh giám kiêu khoa (Chuyển luân), Cấp thủy khoa, Tịnh trừ khoa và Kiến đàn giải uế nghi. Quyển 2 gồm Diễn bảng nghi, Phát tấu nghi, Cúng tài khoa, Tỉnh kinh khoa, Thụ phan khoa và Tỉnh thánh Không Lộ khoa. Quyển 3 gồm Tỉnh Phật khoa, Thập cúng nghi, Triệu linh khoa và Chú thực khoa. Quyển 4 gồm Lễ thập điện khoa, Tỉnh Mục Liên khoa, Tỉnh Địa Tạng khoa và Phá ngục khoa. Quyển 5 gồm Tỉnh xá nghi, Phóng xá khoa, Khai phương khoa, Phóng sinh khoa, Phóng đấng khoa và Giải kết khoa. Quyển 6 gồm Mông sơn khoa, Thăng bảo đài nghi và Mãn tán tạ quá nghi. Thủy lục chư khoa lúc đầu hẳn chưa có các khoa như Nghênh sư duyệt định khoa của thiền sư Chân Nguyên (1647-1726), Mãn tán tạ quá nghi của thiền sư Như Trừng (1696-1733), Cúng tài khoa của thiền sư Thanh Như (nổi pháp đời thứ 44 của tông Tào Động). Thủy lục chư khoa được biết qua bản in năm Minh Mạng thứ 21 (1840) do Huệ Chiêu chùa Vĩnh phúc núi Côn cương ở xã Phù lăng huyện Vũ giang phủ Từ sơn tỉnh Bắc ninh. Năm Thành Thái thứ 6 (1894), hợp phái chùa Vĩnh phúc trùng in Thủy lục chư khoa. Ngoài ra còn có bản Thủy lục toàn tập in năm 1887, tàng bản giữ tại chùa Hồng phúc, phố Hàng than, Hà nội. Thủy lục toàn tập cũng là Thủy lục chư khoa, nhưng có khác một chút là quyển 1 có Cúng tài khoa nhưng không có Tỉnh Giám kiêu khoa; Tỉnh thánh khoa của quyển 2 được đưa lên trước Diễn bảng khoa; Định vũ khoa thay cho Phóng sinh khoa ở quyển 5.

Bài kệ Hàng ma xuất hiện trong Chú thực khoa và Phá Ngục khoa, gọi đủ là Hàng ma diệu kệ hay Văn Thù bồ tát hàng ma bảo kệ. Ngoài lời cảnh tỉnh thế sự vô thường, nhân quả tội phước, khuyên dạy trở về tự tánh trong phần nội dung, nét đặc thù của bài kệ trong phần hình thức là chữ cuối của mỗi câu nếu tách bộ ra sẽ thành chữ đầu của câu tiếp theo, cứ như thế từ câu đầu cho đến hết bài kệ. Để ý nữa sẽ thấy, chữ cuối của câu cuối cùng, chiết tự sẽ thành chữ đầu của câu đầu tiên của bài kệ. Như vậy, bài kệ trở thành một vòng tròn duyên khởi khép kín, vô thủy vô chung, như sự luân hồi sanh tử, tử sanh của mỗi đời sống. Đối tượng của bài kệ này là các cô hồn vất vưởng, các chúng sanh đang trầm luân trong cảnh khổ. Bài kệ này như một câu thần chú, một lời pháp ngữ đánh mạnh vào tâm thức của người nghe khiến cho họ tỉnh thức những mê muội cố chấp mà biết nẻo về chân tánh.

Bài kệ Hàng ma có 16 câu, mỗi câu 7 chữ, cộng lại thành 112 chữ. Bỏ tất cả chữ đầu của mỗi câu thì còn lại 96 chữ. Những chữ này được sắp xếp như một ma trận (the matrix) theo đó các chữ cuối của mỗi câu được sắp xếp như một chuỗi xoắn đơn mã di truyền DNA: đa (câu 4), tánh (15), ngục (9), nga (10), tha (8), tức (5), quảng (3), ma (16), ta (14), miễn (11), muội (13), la (6), ba (2), hà (1), tạm gọi là chữ gốc. Mỗi chữ gốc này, dẫn đầu những chữ của câu kế tiếp, nối kết với nhau thành vòng tròn khép kín, theo thứ tự như sau: ma – hà – ta – ngục – nga – vãn – loa – muội – tha – tánh – ma.

真	如	死	<u>多</u>	哀	告
個	朝	<u>性</u>	聲	色	苦
生	有	<u>獄</u>	死	吟	酒
那	柱	<u>人</u>	哦	誰	貪
銅	肯	<u>今</u>	他	猶	能
床	悔	<u>息</u>	瘦	由	肯
恨	鐵	<u>廣</u>	魂	煉	豈
修	財	<u>送</u>	磨	追	佛
資	行	<u>火</u>	蹉	成	去
戀	電	<u>晚</u>	能	不	見
光	尚	<u>昧</u>	使	闇	定
能	自	<u>乾</u>	羅	輪	明
因	幾	<u>毫</u>	波	分	迴
冤	罪	<u>何</u>	薄	奔	變
業	業	<u>數</u>	憐	馬	受
從	頭	<u>世</u>	驟	恩	愛

Nếu nhìn theo mặt phẳng thì sẽ thấy đường đi của toàn bài kệ tạo thành biểu tượng sau đây:



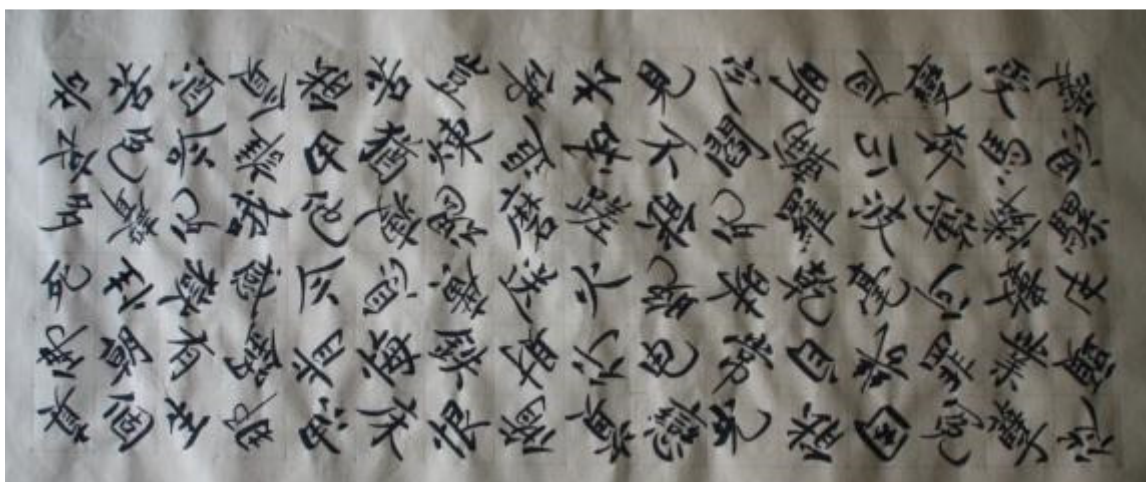
Biểu tượng này tương tự biểu tượng Cát tường kết, một trong tám biểu tượng cát tường của Phật giáo Tây tạng (:cát tường kết, kim luân, liên hoa, kim ngư, bạch hải loa, bảo cái, bảo bình, thắng lợi tràng). Phải chăng bài kệ Hàng ma này đem lại sự cát tường, giải thoát cho người nghe?

nips.com/myair



Nếu nhìn theo không gian ba chiều thì như quả cầu có 16 điểm chính nằm trên bề mặt sao cho khoảng cách của các điểm đều bằng nhau, mỗi điểm chỉ nối kết với 2 điểm nhất định đó là chữ cuối của câu trước và chữ cuối của câu sau. Ví dụ, chữ hà chỉ nối với chữ ma (câu trước) và chữ ba (câu sau).

Cách viết bài kệ này càng làm cho ma trận thêm rối rắm, như hình minh họa dưới đây:



Người biết chữ Hán nhìn vào ma trận này như một mớ chữ bòng bong, không biết viết gì. Nhìn sơ qua thì thấy chữ này thẳng góc với chữ kia, đầu đuôi lẫn lộn. Cách viết chữ thì bắt đầu bằng chữ ma (cột 4, hàng 8), viết nghiêng qua phải 45 độ, sau đó viết toàn bài kệ xuôi theo đường đi của ma trận như đã trình bày ở trên.

Bức liễn phía sau chùa Đại Tiên, huyện Đài Nam, Đài Loan có bài kệ Hàng ma. Tương truyền thiền sư Tham Triệt, vị Thầy khai sơn chùa Đại Tiên cho viết bài kệ này. Về xuất xứ của bài kệ thì không tìm thấy ở Phật học tự điển hay ở trong Đại Tạng, chỉ biết có trong Thủy lục chư khoa và bức liễn ở chùa Đại Tiên. Thiền sư Tham Triệt từ Trung Hoa hành hóa đến Đài Nam vào năm Khang Hy thứ 40 (1701); năm Càn Long thứ 12 (1747) mới xây xong chánh điện và đặt tên chùa là Đại Tiên tự. Bài kệ Hàng ma này hẳn phải xuất hiện trước thế kỷ 17. Nếu giả thiết bài kệ Hàng ma của Thủy lục chư khoa xuất hiện vào thời Trần, nói cách khác tác giả bài kệ là của một vị cao tăng Việt Nam, điều này thấy bàng bạc trong toàn khoa Thủy lục, thì làm cách nào bài kệ đó lưu

truyền sang Trung Hoa? Còn nếu bài kệ này sao chép từ khoa nghi của Phật giáo Trung Hoa, hay được san bổ về sau thì ai đã làm điều đó? Câu hỏi không có câu trả lời. Chỉ biết rằng Phật giáo Việt Nam có lưu truyền bài kệ Hàng ma trong khoa Chú thực và khoa Phá ngục, nhưng chưa thấy qua bài kệ Hàng ma được viết theo ma trận đồ. Người viết bài xin tồn nghi. Kính mong chư vị thức giả chỉ giáo. Rất mong thay.

Quảng Minh

Mùng 4 tháng Giêng năm Canh Dần

17/2/2010

¹ Ti hào tội nghiệp từng đầu số: Khoa Chú Thực ghi là Ti hào tội phước từng đầu số (絲毫罪福業從頭數).

² Miễn sử luân hồi biến mã loa: Khoa Chú Thực ghi là Miễn tử hoàn vi tượng mã loa (免死還為象馬驪).